

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/DS-PT
Ngày: 09 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thương

Bà Cao Thị Thanh Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuý Trường - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2025/TLPT-DS ngày 24/10/2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 305/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn V, xã P, tỉnh Gia Lai (Địa chỉ cũ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định). Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1969

Bà Võ Thị T, sinh năm 1971

Đồng trú tại: Thôn Q, xã P, tỉnh Gia Lai (Địa chỉ cũ: thôn Q, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu A: Ông Lý Văn G, sinh năm 1964; cư trú tại: Khu phố L, phường H, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2026)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phan Quang T1, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn V, xã P, tỉnh Gia Lai (Địa chỉ cũ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1970; cư trú tại: thôn V, xã P, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 22/7/2025).

Do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Huỳnh Thị H là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quang T1 trình bày:

Bà quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Hữu A, bà Võ Thị T nên ngày 11/12/2020 vợ chồng bà cho vợ chồng ông A, bà T mượn số tiền 950.000.000 đồng để làm ăn. Trong ngày 11/12/2020, vợ chồng ông A, bà T trả cho vợ chồng bà 120.000.000 đồng, còn nợ lại vợ chồng bà 830.000.000 đồng và hẹn đến tháng 05/2021 (Âm lịch) sẽ trả số tiền trên. Đến ngày 15/02/2022, vợ chồng ông A, bà T tiếp tục trả cho vợ chồng bà 130.000.000 đồng, còn nợ lại vợ chồng bà 700.000.000 đồng; trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể bao nhiêu, giấy này do vợ chồng ông A, bà T viết và ký tên. Khi vay vợ chồng ông A, bà T không có thể chấp hoặc cầm cố tài sản gì cho bà.

Từ thời gian đó cho đến nay vợ chồng ông A, bà T chưa trả được nợ gốc. Nay vợ chồng bà yêu cầu vợ chồng anh A, bà T trả cho vợ chồng bà 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; ngoài yêu cầu trên, bà không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu A trình bày:

Ông công nhận ngày 11/12/2020 vợ chồng ông nợ vợ chồng bà H, ông T1 số tiền 700.000.000 đồng; chữ ký và chữ viết Nguyễn Hữu A, Võ Thị T trong giấy mượn tiền ngày 11/12/2020 là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông. Vì bà H gây áp lực nên ông mới ký vào giấy nợ nhưng ông không có căn cứ gì chứng minh việc này. Vì vậy nay vợ chồng bà H, ông T1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số nợ 700.000.000 đồng thì ông không đồng ý số nợ trên vì điều kiện kinh tế khó khăn nên ông không có khả năng trả nợ.

- Đối với bị đơn bà Võ Thị T: Bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên hòa giải công khai chứng cứ, Kết luận giám định, Quyết định xét xử, Giấy triệu tập xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T không đến Tòa.

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu A và bà Võ Thị T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị H và ông Phan Quang T1 số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông A, bà T mỗi người phải chịu 16.000.000 đồng án phí sung ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu*) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004528, ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là Thi hành án dân sự tỉnh G).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 25/9/2025, bị đơn ông Nguyễn Hữu A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông A không chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn vì số tiền nợ trên là do vợ ông là bà Võ Thị T mượn riêng, không có liên quan đến ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Võ Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Đối với kháng cáo cho rằng việc vay mượn tiền là của bà T với bà H, ông không liên quan, ông bị ép ký giấy mượn tiền:

Tại giấy mượn tiền đề ngày 11/12/2020 có chữ viết, chữ ký của người mượn tiền là vợ chồng ông Nguyễn Hữu A, bà Võ Thị T thể hiện nội dung: Vợ chồng ông A, bà T có mượn của vợ chồng bà Huỳnh Thị H, ông Phan Quang T1 số tiền 950.000.000 đồng để làm ăn, giải quyết việc gia đình; sau đó ông A, bà H đã trả 02 lần với tổng số tiền 250.000.000 đồng và hiện còn nợ 700.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông A thừa nhận chữ ký và chữ viết

Nguyễn Hữu A, Võ Thị T trong giấy mượn tiền trên là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông nhưng vì bà H gây áp lực nên ông mới ký vào giấy nợ nhưng ông không cung cấp chứng cứ chứng minh ông ký do bị ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định vợ chồng ông có vay tiền của vợ chồng bà H, ông T1 theo giấy mượn tiền ngày 11/12/2020 và còn nợ bà H, ông T1 700.000.000 đồng.

[2.2]. Về kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không làm việc, không lấy lời khai của bà Võ Thị T là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T và của ông, xét thấy:

Toà án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T không đến Toà để làm việc. Tại phiên tòa ngày 11/9/2025, Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bà T vắng mặt, nên Toà án đã tiến hành xét xử vắng mặt. Sau khi xét xử sơ thẩm, Toà án đã tổng đạt hợp lệ bản án số 13/2025/DS-ST ngày 11/9/2023 của TAND khu vực 3 - Gia Lai cho bà T. Xét thấy, việc có mặt theo giấy báo triệu tập của Toà để cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa là quyền và nghĩa vụ của đương sự, nhưng bà T không thực hiện là từ bỏ quyền được tham gia giải quyết vụ án của đương sự, nên Toà án sơ thẩm giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về án phí DSST:

- Vợ chồng ông A, bà T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà H, ông T1 700.000.000 đồng, nên ông A, bà T mỗi người phải chịu 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật.

- Yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H được chấp nhận nên hoàn trả cho bà H 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu A, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân Khu vực 3 - Gia Lai.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu A không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu A, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu A, bà Võ Thị T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị H, ông Phan Quang T1 số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu A, bà Võ Thị T mỗi người phải chịu 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004528 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là Thi hành án dân sự khu vực 3 - Gia Lai).

1.3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hữu A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002441 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 3 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Duy